

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ QUẢNG
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 4 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ QUẢNG, TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thanh Lịch

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Thi

Ông Phan Văn Úy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đàm Thị Hoa – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lục Thị P**, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: **xóm L, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**; nơi ở hiện nay: **thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**. (có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lê Đình C** – Luật sư **Công ty L** thuộc **đoàn Luật sư thành phố H**. (có mặt)

- Bị đơn: Anh **Liêu Văn T**, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú và nơi ở hiện nay: **xóm L, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là chị **Lục Thị P** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lục Thị P** và anh **Liêu Văn T** tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/08/2010 tại **ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Sau khi kết hôn Anh Chị ra ở riêng, vợ chồng sống hòa thuận được khoảng hai năm thì

bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống khó khăn, vợ chồng khác nhau về quan điểm sống, anh T ham chơi, rượu chè, không lo làm ăn, nhiều lần bạo hành, không tôn trọng chị P, lâu dần vợ chồng không còn ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa, ai biết thân người đó. Chị và anh T đã ly thân từ ngày 05/01/2017 đến nay. Hiện tại cuộc sống vợ chồng không thể hòa hợp, vợ chồng không còn trách nhiệm gì với nhau, chị P xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho CI được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị P và anh T có hai con chung là cháu Liêu Trương Anh H sinh ngày 13/6/2009 và cháu Liêu Trương Huy H1 sinh ngày 04/11/2011. Do hai con đều trên bảy tuổi nên chị P tôn trọng quyền lựa chọn của hai con và quan điểm của anh Liêu Văn T, trường hợp các con chung đều lựa chọn ở cùng anh T chị P nhất trí, đồng thời có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Trường hợp các con muốn ở cùng chị P Chị cũng đồng ý và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Chị P có một người con riêng là cháu Liêu A Đ là con của chị P với người đàn ông khác, không liên quan đến anh T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không có đóng góp gì vào tài sản chung của hộ gia đình nên không đề nghị trích công sức đóng góp. Chị P và anh T cũng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 23/01/2024 bị đơn là anh Liêu Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị P tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn chị P về sống chung với anh T tại xóm L, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Đến năm 2012 chị P đi làm công nhân Công ty S tại tỉnh Thái Nguyên, thỉnh thoảng anh T có xuống thăm vợ, năm 2017 anh T cũng xuống tỉnh Hưng Yên làm công nhân anh T còn qua thăm chị P một, hai lần, đến năm 2019 anh T bị tai nạn chị P vẫn chăm sóc anh T nhưng sau khi bị tai nạn anh T về nhà chị P cũng không về nhà nữa, chị P chuyển công ty mới và thay đổi số điện thoại từ đó vợ chồng không còn liên lạc với nhau, không quan tâm hay hỏi han đến nhau. Nay chị P yêu cầu ly hôn anh T xác định còn tình cảm nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị P có hai con chung là cháu Liêu Trương Anh H sinh ngày 13/6/2009 hiện đang học lớp 9 và cháu Liêu Trương Huy H1 sinh ngày 04/11/2011 hiện đang học lớp 6 tại Trường Trung học cơ sở N, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Trường hợp ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung, yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000

đồng/tháng/con, mỗi tháng thanh toán một lần từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh **T** có nhà cửa, ruộng đất là tài sản riêng, đảm bảo đủ điều kiện nuôi các con.

Về con riêng: Anh **T** không đề cập gì đến con riêng của chị **P** trong ý kiến trình bày.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh **T** xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày quan điểm: Qua lời trình bày của các đương sự, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giữa chị **P** và anh **T** đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên về quan hệ hôn nhân đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **P**. Về con chung, đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, chị **P** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/con đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về con riêng, đề nghị Tòa án tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự ghi nhận ý kiến chị **P** không yêu cầu Tòa án giải quyết về con riêng. Về tài sản chung, nợ chung, đề nghị Tòa án ghi nhận ý kiến của chị **P** và anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, từ giai đoạn thụ lý, giai đoạn chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 48, 97, 198 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS); xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS; Về thời hạn xét xử đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 BLTTDS; Về mở phiên họp kiểm tra việc công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định tại các Điều 208 – 211 BLTTDS; Quá trình thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản, quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định tại Điều 220 BLTTDS; Tại phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định của BLTTDS.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thành phần HĐXX đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS, HĐXX đảm bảo đúng nguyên tắc theo quy định tại các Điều 12, 15, 16 BLTTDS; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 BLTTDS.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS; Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS, bị đơn vắng mặt không có lý do. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 76 BLTTDS. Những người làm chứng thực hiện đúng các quy

định về quyền và nghĩa vụ của người làm chứng quy định tại Điều 78 BLTTDS

Về giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 147, 203, 227, 228, 266, 271, 273 BLTTDS; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lục Thị P**; giao cho anh **Liêu Văn T** được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung, yêu cầu chị **P** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng/con, mỗi tháng thanh toán một lần từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung đủ 18 tuổi; ghi nhận sự tự nguyện của chị **P** không yêu cầu Tòa án giải quyết về con riêng; ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung; buộc chị **P** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn anh **Liêu Văn T** cư trú tại **xóm L, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**, theo quy định tại các Điều 35, 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn **Liêu Văn T**.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Ngày 13/12/2023, nguyên đơn chị **Lục Thị P** nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Do vậy, cần áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đang có hiệu lực để giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị **Lục Thị P** và anh **Liêu Văn T** có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng**. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình thu thập lời khai của các đương sự, người làm chứng đã xác định các đương sự sau khi kết hôn thời gian đầu chung sống hòa thuận. Sau đó chị **P** đi làm công nhân, từ năm 2017 tình cảm vợ chồng bắt đầu rạn nứt tình cảm, hai bên không còn quan tâm, chia sẻ, hỏi han chăm sóc lẫn nhau, mặc kệ đối phương trong cuộc sống, vợ chồng ly thân từ 2019 đến nay đã được năm năm. Để bảo vệ quyền lợi của các bên đương sự, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhiều lần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, tại biên bản ghi lời khai bị đơn vẫn thừa nhận vợ chồng từ lâu đã không còn quan tâm, chia sẻ, hỏi han chăm sóc lẫn nhau, mặc kệ đối

phương trong cuộc sống, xác nhận thời gian ly thân như nguyên đơn trình bày.

Từ những căn cứ nêu trên, đủ cơ sở để kết luận vợ chồng chị P và anh T đã không sống chung với nhau trong thời gian dài, anh T cho rằng còn tình cảm với chị P nhưng trong khoảng thời gian ly thân anh T không có phương án, hành động gì nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trên thực tế dẫn đến tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị P và anh T xác nhận quá trình chung sống Anh Chị có hai con chung là cháu **Liêu Trương Anh H** sinh ngày 13/6/2009 và cháu **Liêu Trương Huy H1** sinh ngày 04/11/2011. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung, yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/con. Qua xác minh cho thấy anh T có nhà cửa, đất đai là tài sản riêng, đảm bảo điều kiện nuôi con. Tại Biên bản ghi ý kiến ngày 23/01/2024, cháu **Liêu Trương Anh H** và cháu **Liêu Trương Huy H1** đều có nguyện vọng được bố trực tiếp nuôi dưỡng, chị P tôn trọng ý kiến lựa chọn của các con chung và quan điểm của anh T. Đó là những căn cứ để Tòa xem xét giao con chưa thành niên cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng. Xét thấy, để bảo đảm cho sự phát triển và quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần giao cả hai con chung cho anh **Liêu Văn T** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/con, mỗi tháng thanh toán một lần từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về con riêng: Trong thời kỳ hôn nhân với anh T chị P có một người con riêng với người đàn ông khác là cháu **Liêu Anh Đ1**, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T cũng không đề cập đến con riêng của chị P trong ý kiến trình bày của mình, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Tòa án ghi nhận ý kiến của các đương sự.

[7] Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

[8] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng và đề xuất hướng giải quyết vụ án như trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Nguyên đơn chị **Lục Thị P** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 147, 203, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị **Lục Thị P** được ly hôn anh **Liêu Văn T**.

2. Về con chung: Anh **Liêu Văn T** được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu **Liêu Trương Anh H** sinh ngày 13/6/2009 và cháu **Liêu Trương Huy H1** sinh ngày 04/11/2011. Chị **P** có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/con (hai con là 2.000.000 đồng/tháng), Phương thức cấp dưỡng mỗi tháng thanh toán một lần, thời điểm cấp dưỡng kể từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Xác nhận cháu **Liêu Trương Anh H** và cháu **Liêu Trương Huy H1** đang ở cùng anh **Liêu Văn T**.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về con riêng: Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị **Lục Thị P** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0001859 ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Quảng, nay còn phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Hà Quảng;
- Chi cục THADS huyện Hà Quảng;
- UBND xã Nội Thôn;
- Các đương sự;
- NBVQVLIHP của ND;
- Lưu HSVA.

TM. HĐXX SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nông Thanh Lịch

